

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2022/HSST
Ngày 27-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2022/HSST ngày 10/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. LÊ DUY H (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1990, tại Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu T, Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Duy M- sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị M - Sinh năm 1961; có vợ là Nguyễn Kim O và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không

Danh, chỉ bản số 212 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. PHẠM TUẤN Q (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1987, tại huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 0, Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T,

sinh năm 1964 và bà: Phan Thị Kim T, sinh năm 1967; có vợ là Đặng Thị Lan A, sinh năm 1994 và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không. Danh, chỉ bản số 216 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. NGUYỄN HỮU N (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1992, tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu Sự sinh năm 1969 và bà: Tạ Thị L - Sinh năm 1971; có vợ là Phùng Thị Vân A, sinh năm 1994 và 02 con.

Tiền án; Tiền sự: Không

Danh, chỉ bản số 214 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

4. TRẦN TUẤN A (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1995, tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu V, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị Hương L - Sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ bản số 215 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

5. NGUYỄN ĐỨC H (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1992, tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu xóm ngoài, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 và bà: Phạm Thị T, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không ; Danh, chỉ bản số 213 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

6. LÊ XUÂN H (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1987, tại TP Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khối 11, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn V (đã chết) và bà: Trần Thị Q - Sinh năm 1955; có vợ là Hoàng Mỹ H, sinh năm 1988 và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ bản số 218 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại Thành phố V, tỉnh Nghệ An(có mặt).

7. PHẠM VĂN S (tên gọi khác: không) - Sinh năm 1992, tại huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu 0, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn K, sinh năm 1960 và bà: Phạm Thị B, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Danh, chỉ bản số 217 ngày 14 tháng 10 năm 2021 lập tại: Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021, hiện đang tại ngoại tại xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 11/10/2021, Lê Duy H, sinh năm 1990, ở Khu T, thị trấn Y, huyện Y; Phạm Tuấn Q, sinh năm 1987, nơi ĐKTT: Khu 0, thị trấn H, huyện H; Nguyễn Hữu N, sinh năm 1992, nơi ĐKTT: Khu G, xã V, huyện C; Nguyễn Đức H, sinh năm 1992, nơi ĐKTT: Khu X, xã T, huyện C; Lê Xuân H, sinh năm 1987, nơi ĐKTT: Khối 0, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An và Phạm Văn S, sinh năm 1992, nơi ĐKTT: Khu 0, xã V, huyện H (đều là nhân

viên của công ty Đ, chi nhánh Cẩm Khê) cùng nhau ăn cơm tại phòng nghỉ của nhân viên tại kho hàng của công ty ở khu S, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày thì Trần Tuấn A, sinh năm 1995, nơi ĐKTT: Khu V, thị trấn C, huyện C (cũng là nhân viên của công ty Đ chi nhánh Cẩm Khê) đến. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, H3, Q, N, T A, H1 và H2 cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng”, sát phạt nhau bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Các đối tượng ngồi đánh bạc trên chiếc màn hình cạ rải trên giường và sử dụng 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân có sẵn trong phòng để chơi. Khi đánh bạc, sáu người ngồi thành vòng tròn theo chiều kim đồng hồ, H3 ngồi quay lưng ra cửa, tiếp theo là Q, N, T A, H1 và cuối cùng là H2. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Phạm Văn S đi giao hàng về và vào tham gia đánh bạc cùng các đối tượng.

Khi vào đánh bạc, Lê Duy H3 có 5.400.000đ (trong đó có 4.990.000đ là tiền khách hàng mua hàng trả cho công ty, 410.000đ là tiền của H3), H3 chỉ lấy ra 1.900.000đ để đánh bạc, còn 3.500.000đ, H3 không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Phạm Tuấn Q có 7.100.000đ (trong đó có 7.000.000đ là tiền khách hàng mua hàng trả cho công ty, 100.000đ là tiền của Q). Khi bắt đầu chơi, Q cho Lê Xuân H2 vay 1.000.000đ, Q chỉ lấy ra 600.000đ để đánh bạc, còn 5.500.000đ, Q không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Phạm Văn S có 3.800.000đ (trong đó có 2.876.000đ là tiền khách hàng mua hàng trả cho công ty, 924.000đ là tiền của S), S chỉ lấy ra 200.000đ để đánh bạc, còn 3.600.000đ, S không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Lê Xuân H2 vay của Q 1.000.000đ, H2 lấy ra 300.000đ để đánh bạc, còn 700.000đ, H2 không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Nguyễn Hữu N có 1.100.000đ, Trần Tuấn A có 810.000đ, Nguyễn Đức H1 có 500.000đ, đều sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.410.000đ (năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Các đối tượng không phải nộp tiền “hồ” (tiền thuê địa điểm đánh bạc) hay bất kì khoản tiền nào khác cho ai. Về hình thức đánh “liêng”, các đối tượng quy định như sau: Sử dụng 52 quân bài từ quân A (Át) đến quân K trong bộ bài tứ lơ khơ. Người cầm cái chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, số quân bài còn lại sẽ được để ở giữa chiếu bạc. Cách tính thắng thua như sau: Ai lên bài được ba quân A (Át) là bài cao nhất. Tiếp đó tính điểm, các quân được tính điểm là quân A (tính 01 điểm, quân 2,3,4,5,6,7,8,9. Các quân 10, J, Q, K không được tính điểm. Sau khi cộng tổng điểm các quân bài thì bỏ đi hàng chục, chỉ lấy hàng đơn vị để tính điểm. Điểm cao nhất là 9. Trường hợp có hai hay nhiều bài bằng điểm nhau thì so theo chất của bài. Chất bài tính từ cao xuống thấp là Rô, Cơ, Bích, Tép. Trường hợp hai bài bằng điểm nhau, cùng chất với nhau thì bài nào có quân chất bài cao hơn sẽ thắng. Tính “liêng” tức là ba quân bài liên tiếp nhau thì tạo thành một “liêng” “liêng” cao nhất là Q, K, A. Nếu trùng “liêng” thì tính theo chất như khi tính điểm. Trước khi “tố” thì

mỗi người bỏ ra số tiền 10.000 đồng lên chiếu bạc (đây gọi là tiền gà). Sau khi mọi người lên bài thì bắt đầu “tố”. “Tố” là người nào thấy bài mình cao thì hô “tố” để nhằm thắng được số tiền trên chiếu bạc. Người được “tố” đầu tiên là người cầm cái. Nếu “tố” thì người “tố” phải bỏ thêm một số tiền nhưng không quá 50.000 đồng. Người tiếp theo “tố” hoặc bỏ bài (nếu thấy bài thấp) được tính theo chiều kim đồng hồ. Người nào “tố” thì cũng phải bỏ ra số tiền bằng số tiền người “tố” trước đã đặt ra. Sau khi hết vòng thì những người “tố” sẽ so bài với nhau. Người nào có bài cao nhất sẽ thắng và được tất cả số tiền gà và tiền “tố” trong ván đó. Còn người bỏ bài và “tố” thua sẽ mất số tiền đã bỏ ra tại ván đó. Ai thắng bạc ván đó sẽ được chia bài ván tiếp theo. Với hình thức và số tiền đánh bạc như trên, các đối tượng đánh bạc liên tục đến 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Thu tại nơi các đối tượng ngồi đánh bạc: 01 mảnh cọ đã cũ, 52 quân bài tú lơ khơ và số tiền 5.410.000 đồng.

- Thu giữ trên người Trần Tuấn A: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ SAMSUNG, số Seri: R58K23FDHQB, bên trong lắp sim số: 09894183** và 09783831**.

- Thu giữ trên người Nguyễn Hữu N: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ Redmi, số Seri: a81e0ed0, bên trong lắp sim số: 03568081**.

- Thu giữ trên người Nguyễn Đức H1: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau in chữ Vsmart, có số Imei 1: 353442110635940, số Imei 2: 353442110635957, bên trong lắp sim số 09819379** và 01 ví giả da màu nâu. Bên trong có: 01 CMND số 132170669 cấp ngày 13/3/2018 cho Nguyễn Đức H1; 01 giấy phép lái xe mô tô số AS233302 mang tên Nguyễn Đức H1; 01 Đăng ký xe mô tô số 007450 cấp cho xe mô tô BKS: 21F1-6838;

- Thu giữ trên người Lê Duy H3: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau in chữ OPPO, số Seri: 1de1b9a1, bên trong lắp sim số 03836662** và 08495819**; 01 ví giả da màu đen. Bên trong có: 01 CCCD số 031090008490 cấp ngày 06/7/2018 cho Lê Duy H3; 01 giấy phép lái xe mô tô số AV961503 mang tên Lê Duy H3; 01 Đăng ký xe mô tô số 011184 cấp cho xe mô tô BKS: 19H1-174.73; Số tiền: 3.500.000 đồng

- Thu giữ trên người Phạm Tuấn Q: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau in chữ IPHONE, có số Seri: C39TJ233HG08, bên trong lắp sim số 03845301**; 01 ví giả da màu nâu. Bên trong có: 01 thẻ CCCD số: 025087012455 cấp ngày 12/8/2021 cho Phạm Tuấn Q; 01 CMND số 131663737 cấp ngày 09/7/2015 cho Phạm Tuấn Q; 01 giấy phép lái xe mô tô số

250160011068 mang tên Phạm Tuấn Q; 01 Đăng ký xe mô tô số 017413 cho xe mô tô BKS: 19F1-272.26; Số tiền 5.500.000 đồng

- Thu giữ trên người Phạm Văn S: 01 điện thoại cảm ứng chữ mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, mặt sau in chữ IPHONE S, có số Seri: F2LX33HNHEM5, bên trong lắp sim số 03359339**; 01 ví giả da màu nâu. Bên trong có: 01 CMND số 132172797 cấp ngày 15/01/2020 cấp cho Phạm Văn S; 01 giấy phép lái xe mô tô số AT993872 mang tên Phạm Văn S; 01 Đăng ký xe mô tô số 011470 cấp cho xe mô tô BKS:19F1-107.97 và số tiền: 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Thu giữ trên người Lê Xuân H2: Số tiền 700.000 đồng.

Quá trình điều tra làm rõ vào thời điểm bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc ngày 11/10/2021, Lê Duy H3 đang giữ 4.990.000đ, Phạm Tuấn Q đang giữ 7.000.000đ, Phạm Văn S đang giữ 2.876.000đ, đây đều là số tiền khách hàng mua hàng trả cho công ty Đ khi đi các đối tượng đi lắp đặt sản phẩm cho khách hàng, chưa nộp lại cho công ty.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê xác định một số tài sản, đồ vật, tài liệu bị thu giữ là tài sản hợp pháp, không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị can nên ngày 27/10/2021, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, trả lại cho chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Trả lại cho Trần Tuấn A: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ SAMSUNG, số Seri: R58K23FDHQB, bên trong lắp sim số: 0989418367 và 0978383173.

- Trả lại cho Nguyễn Hữu N: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau có in chữ Redmi, số Seri: a81e0ed0, bên trong lắp sim số: 0356808149.

- Trả lại cho Nguyễn Đức H1: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau in chữ Vsmart, có số Imei 1: 353442110635940, số Imei 2: 353442110635957, bên trong lắp sim số 09819379**; 01 ví giả da màu nâu. Bên trong có: 01 CMND số 132170669 cấp ngày 13/3/2018 cho Nguyễn Đức H1; 01 giấy phép lái xe mô tô số AS233302 mang tên Nguyễn Đức H1; 01 Đăng ký xe mô tô số 007450 cấp cho xe mô tô BKS: 21F1-6838;

- Trả lại cho Lê Duy H3: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau in chữ OPPO, số Seri: 1de1b9a1, bên trong lắp sim số 0383666239 và 0849581990; 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 CCCD số 031090008490 cấp ngày 06/7/2018 cho Lê Duy H3; 01 giấy phép lái xe mô tô số AV961503 mang tên Lê Duy H3; 01 Đăng ký xe mô tô số 011184 cấp cho xe mô tô BKS: 19H1-174.73; Số tiền: 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Phạm Tuấn Q: 01 điện thoại cảm ứng màu đen, mặt sau in chữ IPHONE, có số Seri: C39TJ233HG08, bên trong lắp sim số 03845301**;
01 ví giả da màu nâu, bên trong có: 01 thẻ CCCD số: 025087012455 cấp ngày 12/8/2021 cho Phạm Tuấn Q; 01 CMND số 131663737 cấp ngày 09/7/2015 cho Phạm Tuấn Q; 01 giấy phép lái xe mô tô số 250160011068 mang tên Phạm Tuấn Q; 01 Đăng ký xe mô tô số 017413 cho xe mô tô BKS: 19F1-272.26 và số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Phạm Văn S: 01 điện thoại cảm ứng chữ mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, mặt sau in chữ IPHONE S, có số Seri: F2LX33HNHEM5, bên trong lắp sim số 03359339**;
01 ví giả da màu nâu, bên trong có: 01 CMND số 132172797 cấp ngày 15/01/2020 cấp cho Phạm Văn S; 01 giấy phép lái xe mô tô số AT993872 mang tên Phạm Văn S; 01 Đăng ký xe mô tô số 011470 cấp cho xe mô tô BKS: 19F1-107.97; Số tiền: 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Lê Xuân H2: Số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 06/CT-VKSCK-HS ngày 02/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Duy H3, Phạm Tuấn Q, Nguyễn Hữu N, Trần Tuấn A, Nguyễn Đức H1, Lê Xuân H2 và Phạm Văn S phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với các bị cáo: Lê Duy H3, Phạm Tuấn Q, Nguyễn Hữu N, Trần Tuấn A, Nguyễn Đức H1 và Phạm Văn S.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS đối với bị cáo Lê Xuân H2.

Xử phạt tiền: Bị cáo Lê Duy H3 và Nguyễn Hữu N từ 21.000.000 đồng đến 23.000.000 đồng. Các bị cáo Phạm Tuấn Q, Trần Tuấn A, Nguyễn Đức H1, Lê Xuân H2 và Phạm Văn S mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh cọ và 52 quân bài tú lơ khơ;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền: 5.410.000 đồng;

Còn lại các vật chứng bị thu giữ, không liên quan đến tội phạm thì cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp thì cần xác nhận.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là có cùng nhau tham gia đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng, thời gian vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 11/10/2021, tại phòng nghỉ của nhân viên Công ty Đ chi nhánh Cẩm Khê, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 5.410.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vậy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, hơn nữa đánh bạc là tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện, rèn luyện bản thân, mà coi thường pháp luật, vì vậy cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Song khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều đ- ợc h- ởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Lê Xuân H2 còn được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ nữa đó là bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được Hội đồng nhà nước, nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống mỹ, cứu nước theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi c- trú cụ thể rõ ràng, ở địa phương chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, xét thấy ch- a cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục trở thành ng- ời tốt. Tuy nhiên số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc khác nhau nên mức phạt tiền là khác nhau.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Xét thấy các vật chứng gồm: 01 mảnh cạ đã cũ, 52 quân bài tú lơ khơ và số tiền 5.410.000đồng, đây là vật, tiền có liên quan đến tội phạm, vật không còn giá trị sử dụng thì cần tịch thu để tiêu hủy và tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước tiền đánh bạc.

Còn lại các vật chứng đã được cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là hợp pháp thì HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS đối với các bị cáo: Lê Duy H3, Phạm Tuấn Q, Nguyễn Hữu N, Trần Tuấn A, Nguyễn Đức H1 và Phạm Văn Sáng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS đối với bị cáo Lê Xuân H2.

Tuyên bố các bị cáo: Lê Duy H3, Phạm Tuấn Q, Nguyễn Hữu N, Trần Tuấn A, Nguyễn Đức H1, Lê Xuân H2 và Phạm Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt tiền các bị cáo: Lê Duy H3 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng); Nguyễn Hữu N 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng); Phạm Tuấn Q 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); Trần Tuấn A 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); Nguyễn Đức H1 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng); Lê Xuân H2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Phạm Văn S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), để sung vào ngân sách nhà nước.

[2]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) mảnh cộ đã cũ và 52 quân bài tú lơ khơ
- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền: 5.410.000đ (Năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê ngày 12/01/2022).

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Lê Duy H3, Phạm Tuấn Q, Nguyễn Hữu N, Trần Tuấn A, Nguyễn Đức H1, Lê Xuân H2 và Phạm Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Huyện Cẩm Khê;
- CQĐT - Công an huyện Cẩm Khê;
- CQCSTHAHS-CA huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Thị Hồng